

THUẾ TNDN: BỘ CÂU HỎI 1

I. Phần lý thuyết Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Câu 1. Người nộp thuế TNDN bao gồm:

- a. Tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.
- b. Hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.
- c. Cả 2 đối tượng nêu trên.

Câu 2. Trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế TNDN hoặc loại thuế tương tự thuế TNDN ở ngoài Việt Nam thì khi tính thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam, doanh nghiệp được tính trừ:

- a. Số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài.
- b. Số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài nhưng tối đa không quá số thuế TNDN phải nộp theo quy định của Luật thuế TNDN tại Việt Nam.
- c. Không có trường hợp nào nêu trên.

Câu 3. Khoản chi nào đáp ứng đủ các điều kiện để được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế?

- a. Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- b. Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật và không vượt mức khống chế theo quy định.
- c. Khoản chi đáp ứng cả 2 điều kiện nêu trên.

Câu 4. Khoản chi nào dưới đây không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế?

- a. Khoản chi không có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- b. Khoản chi không có hoá đơn nhưng có bảng kê và bảng kê này thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
- c. Khoản chi thưởng sáng kiến, cải tiến có quy chế quy định cụ thể về việc chi thưởng sáng kiến, cải tiến, có hội đồng nghiệm thu sáng kiến, cải tiến.

Câu 5. Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với khoản thu nhập:

- a. Thu nhập từ hoạt động khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp được thành lập và cấp giấy phép đầu tư về hoạt động khai thác khoáng sản từ ngày 01/01/2009.
- b. Thu nhập từ bán phế liệu, phế phẩm được tạo ra trong quá trình sản xuất của các sản phẩm đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

c. Thu nhập về tiền phạt, tiền bồi thường do bên đối tác vi phạm hợp đồng phát sinh (không thuộc các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính).

Câu 6. Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi trả cho người lao động nào dưới đây:

a. Tiền lương, tiền công trả cho người lao động có chứng từ theo quy định của pháp luật.

b. Tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.

c. Cả 2 khoản chi nêu trên.

Câu 7. Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi nào dưới đây:

a. Khoản trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo mức quy định.

b. Khoản chi tài trợ cho giáo dục theo đúng quy định.

c. Các khoản chi về đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định;

d. Không có khoản chi nào nêu trên.

Câu 8. Doanh nghiệp thành lập mới trong 3 năm đầu được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị không vượt quá bao nhiêu % tổng số chi được trừ:

a. 15%

b. 20%

c. 25%

Câu 9. Khoản chi nào sau đây không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

a. Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân; Tiền lương, tiền công của chủ công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên (do một cá nhân làm chủ).

b. Tiền lương trả cho các thành viên của hội đồng quản trị trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

c. Cả hai khoản chi (a) và (b) nêu trên.

Câu 10. Doanh nghiệp được tính vào chi phí khoản chi nào dưới đây khi có đầy đủ hoá đơn chứng từ.

a. Phần trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.

- b. Chi trả lãi tiền vay để góp vốn điều lệ hoặc chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ đã đăng ký còn thiếu.
- c. Chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của tổ chức tín dụng khi đã góp đủ vốn điều lệ.
- d. Không có khoản chi nào cả.

Câu 11. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi nào dưới đây:

- a. Thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn.
- b. Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- c. Không có khoản chi nào nêu trên.

Câu 12. Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi nào dưới đây:

- a. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- b. Thuế xuất nhập khẩu.
- c. Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Câu 13. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi nào dưới đây:

- a. Chi tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai và làm nhà tình nghĩa cho người nghèo theo đúng quy định.
- b. Chi ủng hộ địa phương; chi ủng hộ các đoàn thể, tổ chức xã hội ngoài doanh nghiệp.
- c. Chi phí mua thẻ hội viên sân golf, chi phí chơi golf.
- d. Không có khoản chi nào nêu trên.

Câu 14. Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa bao nhiêu phần trăm (%) thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp?

- a. 10%
- b. 15%.
- c. 20%.

Câu 15. Trong thời hạn 5 năm, kể từ khi trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết bao nhiêu % thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế TNDN tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hết và phần lãi phát sinh từ số thuế TNDN đó?

- a. 50%.
- b. 60%
- c. 70%

Câu 16. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tính số thuế thu hồi đối với phần Quỹ phát triển khoa học công nghệ không được sử dụng.

- a. Thuế suất 20%
- b. Thuế suất 25%.
- c. Thuế suất áp dụng cho doanh nghiệp trong thời gian trích lập quỹ.

Câu 17. Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần Quỹ phát triển khoa học công nghệ không sử dụng hết là:

- a. Lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm áp dụng tại thời điểm thu hồi.
- b. Lãi suất tính theo tỷ lệ phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.

Câu 18. Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần Quỹ phát triển khoa học công nghệ sử dụng sai mục đích là:

- a. Lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm áp dụng tại thời điểm thu hồi.
- b. Lãi suất tính theo tỷ lệ phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.

Câu 19. Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗi thì được chuyển lỗi:

- a. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗi.
- b. Trong thời hạn 6 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗi.
- c. Không giới hạn thời gian chuyển lỗi.

Câu 20. Quá thời hạn 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗi nếu số lỗi phát sinh chưa bù trừ hết thì:

- a. Doanh nghiệp sẽ được giảm trừ tiếp vào thu nhập chịu thuế TNDN của các năm tiếp sau.
- b. Doanh nghiệp sẽ không được giảm trừ tiếp vào thu nhập chịu thuế TNDN của các năm tiếp sau.
- c. Không có trường hợp nào nêu trên.

Câu 21. Doanh thu tính thuế TNDN đối với DN nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế là:

- a. Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- b. Bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

Câu 22. Doanh thu tính thuế TNDN đối với DN nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng là:

- a. Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- b. Bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

Câu 23. Thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác tại VN là:

- a. Thuế suất 20%

- b. Thuế suất 25%.
- c. Thuế suất từ 32% đến 50%.

Câu 24. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm:

- a. Chỉ có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu.
- b. Chỉ có thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu, chứng chỉ quỹ.
- c. Bao gồm thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định.

Câu 25. Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, có phát sinh thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản thì phải làm gì?

- a. Tách riêng để kê khai nộp thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản.
- b. Được cộng chung vào tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp để tính thuế TNDN.

Câu 26. Trường hợp DN đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế TNDN có phát sinh thu nhập chuyển nhượng bất động sản thì khoản thu nhập này doanh nghiệp thực hiện như thế nào?

- a. Cộng chung vào thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá của doanh nghiệp và hưởng ưu đãi về thuế TNDN đối với toàn bộ thu nhập.
- b. Tách riêng để kê khai nộp thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản và không hưởng ưu đãi về thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.

Câu 27. Doanh nghiệp được áp dụng ưu đãi thuế TNDN khi:

- a. Không thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định.
- b. Thực hiện nộp thuế TNDN theo phương pháp ấn định.
- c. Thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định và đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

Câu 28. Trong cùng một kỳ tính thuế nếu có một khoản thu nhập đáp ứng các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo nhiều trường hợp khác nhau thì khoản thu nhập đó được áp dụng ưu đãi như thế nào?

- a. Được tổng hợp tất cả các trường hợp ưu đãi.
- b. Lựa chọn một trong những trường hợp ưu đãi có lợi nhất.

Câu 29. Thủ tục để được hưởng ưu đãi thuế TNDN như thế nào?

- a. Doanh nghiệp phải đăng ký với cơ quan thuế để được hưởng ưu đãi thuế TNDN.
- b. Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện ưu đãi, mức ưu đãi và tự kê khai, quyết toán thuế.

Câu 30. Theo luật thuế TNDN thì căn cứ tính thuế Thu nhập doanh nghiệp là:

- a. Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp và thuế suất
- b. Thu nhập tính thuế và thuế suất
- c. Doanh thu trong kỳ tính thuế của doanh nghiệp và thuế suất
- d. Thu nhập ròng của doanh nghiệp và thuế suất

Câu 31. Thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ tính thuế được xác định bằng:

- a. Thu nhập chịu thuế trừ (-) các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước.
- b. Thu nhập chịu thuế trừ (-) thu nhập được miễn thuế trừ (-) các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định.
- c. Doanh thu trừ (-) chi phí được trừ cộng (+) các khoản thu nhập khác.
- d. Doanh thu trừ (-) chi phí được trừ.

Câu 32. Khoản thu nhập nào thuộc thu nhập được miễn thuế TNDN:

- a. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản.
- b. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.
- c. Thu nhập từ lãi tiền gửi.

Câu 33. Khoản chi nào dưới đây không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN :

- a. Chi mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật cho người lao động.
- b. Phần chi phí quản lý kinh doanh do doanh nghiệp nước ngoài phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- c. Chi lãi tiền vay vốn tương ứng với vốn điều lệ còn thiếu.
- d. Chi tài trợ cho giáo dục, y tế, khắc phục hậu quả thiên tai và làm nhà tình nghĩa cho người nghèo theo quy định của pháp luật.

Câu 34. Từ năm 2011, Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với khoản chi nào dưới đây:

- a. Phần chi trang phục bằng hiện vật cho người lao động có hoá đơn, chứng từ và vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm.
- b. Phần chi phụ cấp cho người lao động đi công tác nước ngoài vượt quá 2 lần mức quy định đối với cán bộ công chức, viên chức Nhà nước.
- c. Chi phí đi lại và tiền thuê chỗ ở cho người lao động đi công tác có đầy đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp theo quy định.

Câu 35. Công ty TNHH chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang cổ phần, phát sinh chênh lệch do đánh giá lại tài sản cố định hữu hình thì khoản chênh lệch này có phải tính thu nhập chịu thuế TNDN không?

- a. Không phải tính thu nhập chịu thuế
- b. Không tính thu nhập chịu thuế mà tăng nguyên giá TSCĐ.
- c. Phải tăng thu nhập chịu thuế (thu nhập khác) và tính thuế TNDN theo quy định.

Phần II. Bài tập Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Câu 1. Một doanh nghiệp A thành lập năm 2001. Trong năm 2009 DN có kê khai:

- Doanh thu bán hàng: 6.000 triệu đồng
 - Tổng các khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN (không bao gồm chi quảng cáo, tiếp thị ...) là 3.500 triệu đồng.
 - Phần chi quảng cáo, tiếp thị ... liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp : 430 triệu đồng
- Thu nhập chịu thuế TNDN của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế là:

- a. 2.070 triệu đồng
- b. 2.150 triệu đồng
- c. 2.500 triệu đồng
- d. Số khác

Câu 2. Một doanh nghiệp trong năm tính thuế có tài liệu như sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 4.000 triệu đồng
 - Tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ: 3.000 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi phí xử lý nước thải: 300 triệu đồng
 - + Chi tiền lương trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả: 200 triệu đồng.
 - + Các chi phí còn lại là hợp lý.
 - Thuế suất thuế TNDN là 25%,
- Thuế TNDN mà doanh nghiệp phải nộp trong năm:
- a. 250 triệu đồng
 - b. 300 triệu đồng
 - c. 375 triệu đồng
 - d. Số khác

Câu 3. Doanh nghiệp X trong năm tính thuế có tài liệu sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 8.000 triệu đồng
- Tổng hợp chi phí phát sinh trong kỳ: 6.000 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu: 300 triệu đồng
 - + Chi đào tạo tay nghề cho công nhân: 200 triệu đồng
 - + Các chi phí còn lại được coi là hợp lý.

- Thuế suất thuế TNDN là 25%,
Thuế TNDN doanh nghiệp A phải nộp trong năm:
- a. 500 triệu đồng
 - b. 625 triệu đồng
 - c. 575 triệu đồng
 - d. Số khác

- Câu 4.** Doanh nghiệp B trong năm có số liệu sau:
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 7.000 triệu đồng
 - Chi phí doanh nghiệp kê khai: 5.000 triệu đồng, trong đó:
 - + Tiền lương công nhân viên có chứng từ hợp pháp: 500 triệu đồng
 - + Tiền trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật: 200 triệu đồng
 - + Các chi phí còn lại được coi là chi phí hợp lý
 - Thu nhập trong năm đầu từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm (có chứng nhận đăng ký và được cơ quan quản lý có thẩm quyền xác nhận): 200 triệu đồng
- Thu nhập chịu thuế TNDN của doanh nghiệp là:
- a. 2.000 triệu đồng
 - b. 2.200 triệu đồng
 - c. 2.700 triệu đồng
 - d. 2.900 triệu đồng

- Câu 5.** Một doanh nghiệp trong năm tính thuế có số liệu :
- Doanh thu bán hàng : 5.000 triệu đồng
 - DN kê khai : Tổng các khoản chi được trừ vào chi phí là 4.000 triệu đồng.
 - Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế : 200 triệu đồng
- Thu nhập chịu thuế TNDN của doanh nghiệp trong kỳ tính thuế :
- a. 600 triệu đồng
 - b. 800 triệu đồng
 - c. 1.000 triệu đồng
 - d. 1.200 triệu đồng

- Câu 6.** Một doanh nghiệp trong năm tính thuế có số liệu như sau:
- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 3.500 triệu đồng
 - Chi phí phân bổ cho số sản phẩm tiêu thụ: 2.500 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi tiền lương trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả : 100 triệu đồng
- Thuế suất thuế TNDN là 25%. Các chi phí được coi là hợp lý.
- Thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp trong năm:
- a. 250 triệu đồng
 - b. 275 triệu đồng
 - c. 300 triệu đồng

d. 325 triệu đồng

Câu 7. Một công ty cổ phần trong năm tính thuế có số liệu như sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 10.000 triệu đồng

- Chi phí doanh nghiệp kê khai: 8.500 triệu đồng, trong đó:

+ Tiền lương của các sáng lập viên doanh nghiệp nhưng không tham gia điều hành doanh nghiệp có chứng từ hợp pháp: 500 triệu đồng

Thuế suất thuế TNDN là 25%.

Thuế TNDN phải nộp trong năm tính thuế :

a. 250 triệu đồng

b. 375 triệu đồng

c. 500 triệu đồng

d. 520 triệu đồng

Câu 8. Doanh nghiệp A trong kỳ tính thuế có số liệu sau :

Doanh thu trong kỳ là : 10.000 triệu đồng

Chi phí doanh nghiệp kê khai : 8.100 triệu đồng, trong đó :

- Chi nộp tiền phạt do vi phạm hành chính là 100 triệu đồng

- Chi tài trợ cho cơ sở y tế theo đúng quy định của pháp luật là : 100 triệu đồng

Thu nhập chịu thuế :

a. 1.900 triệu đồng

b. 2.000 triệu đồng

c. 2.100 triệu đồng

d. 2.200 triệu đồng

Câu 9. Doanh nghiệp Y thành lập từ năm 2000.

- Trong năm 2009, DN kê khai chi phí là (chưa bao gồm chi phí quảng cáo, tiếp thị) : 25.000 triệu đồng, trong đó :

+ Chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động : 500 triệu đồng

+ Chi trả lãi vay vốn điều lệ còn thiếu : 200 triệu đồng

+ Chi trả lãi vay vốn Ngân hàng dùng cho sản xuất, kinh doanh : 300 triệu đồng

- Chi phí quảng cáo, tiếp thị có đủ hoá đơn chứng từ : 2.500 triệu

Xác định chi phí quảng cáo, tiếp thị được tính vào chi phí hợp lý của DN trong năm 2009:

a. 2.400 triệu đồng

b. 2.430 triệu đồng

c. 2.450 triệu đồng

d. 2.480 triệu đồng

Câu 10. Doanh nghiệp sản xuất A thành lập năm 2002, báo cáo quyết toán thuế TNDN năm 2009 có số liệu về chi phí được ghi nhận như sau :

- Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp: 600 triệu đồng

- Tổng các khoản chi phí được trừ (không bao gồm: phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh): 5 tỷ đồng.

Vậy tổng chi phí được trừ bao gồm cả chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết khi xác định thu nhập chịu thuế trong năm 2009 là bao nhiêu?

- a. 5,4 tỷ đồng.
- b. 5,5 tỷ đồng.
- c. 5,6 tỷ đồng.

Câu 11. Doanh nghiệp Việt Nam C có một khoản thu nhập 850 triệu đồng từ dự án đầu tư tại nước ngoài. Khoản thu nhập này là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập theo Luật của nước ngoài. Số thuế thu nhập phải nộp tính theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của nước ngoài là 250 triệu đồng.

Trường hợp này doanh nghiệp VN C sẽ phải nộp thêm thuế TNDN tại Việt Nam là bao nhiêu?

- a. Không phải nộp thêm thuế TNDN
- b. 20 triệu đồng
- c. 25 triệu đồng

Câu 12. Năm 2009, doanh nghiệp A có số liệu như sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm là 200 triệu đồng
- Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng là 120 triệu đồng
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán là 300 triệu đồng.

Trường hợp này DN A trong năm 2009 sẽ phải nộp thuế TNDN là bao nhiêu biết rằng thu nhập của hoạt động sản xuất phần mềm của doanh nghiệp A đang được miễn thuế TNDN.

- a. 125 triệu đồng.
- b. 155 triệu đồng.
- c. 105 triệu đồng.
- d. Không phải nộp thuế.

Câu 13. Năm 2009, doanh nghiệp B có số liệu như sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất đồ chơi cho trẻ em: 200 triệu đồng.
- Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng: 50 triệu đồng.
- Thu nhập từ hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị: 90 triệu đồng.

Trường hợp này DN B trong năm 2009 sẽ phải nộp thuế TNDN là bao nhiêu biết rằng hoạt động sản xuất đồ chơi trẻ em của doanh nghiệp B được hưởng ưu đãi thuế TNDN (thuế suất 15% và DN B năm 2009 đang được giảm 50% thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất đồ chơi trẻ em).

- a. 85 triệu đồng

- b. 50 triệu đồng
- c. 65 triệu đồng.

Câu 14. Doanh nghiệp A thuê tài sản cố định của Doanh nghiệp B trong 4 năm với số tiền thuê là 800 triệu đồng, Doanh nghiệp A đã thanh toán một lần cho Doanh nghiệp B đủ 800 triệu đồng. Trường hợp này Doanh nghiệp A được tính vào chi phí được trừ tiền thuê tài sản cố định hàng năm là bao nhiêu?

- a. 200 triệu đồng.
- b. 800 triệu đồng.
- c. Tùy doanh nghiệp được phép lựa chọn

Câu 15. Quỹ tiền lương năm 2010 của Doanh nghiệp A (DNA) phải trả cho người lao động đã được duyệt là 8 tỷ đồng. Tính đến cuối ngày 31/3/2011 DNA đã chi trả tiền lương, tiền công trong năm 2010 và chi bổ sung trong 3 tháng đầu năm 2011 tổng số là 7,3 tỷ đồng. DNA trích lập quỹ dự phòng tiền lương mức tối đa là: $7,3 \text{ tỷ đồng} \times 17\% = 1,241 \text{ tỷ đồng}$. Vậy tổng số tiền lương DN A được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của năm 2010 là bao nhiêu?

- a. 7,3 tỷ đồng.
- b. 8 tỷ đồng.
- c. 8,541 tỷ đồng.

//=====//

THUẾ TNDN: BỘ CÂU HỎI 2

1/ Câu trắc nghiệm lý thuyết: (34 câu)

Câu 1. Người nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp là:

- a. Tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.
- b. Hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.
- c. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế.

Câu 2. Doanh nghiệp Việt Nam có thu nhập từ nước ngoài, đã nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp hoặc loại thuế tương tự thuế Thu nhập doanh nghiệp ở nước ngoài thì khi tính thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam, doanh nghiệp:

- a. Được trừ toàn bộ số thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài.

- b. Được trừ số thuế TNDN đã nộp tại nước ngoài nhưng tối đa không quá số thuế TNDN phải nộp theo quy định của Luật thuế TNDN tại Việt Nam.
- c. Không được trừ số thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài.

Câu 3: Quy định nào về kỳ tính thuế TNDN dưới đây là đúng:

- a. Kỳ tính thuế năm đầu tiên, kỳ tính thuế năm cuối cùng, kỳ tính thuế năm chuyển đổi không được vượt quá 15 tháng.
- b. Kỳ tính thuế năm đầu tiên, kỳ tính thuế năm cuối cùng, kỳ tính thuế năm chuyển đổi không được vượt quá 12 tháng.
- c. Kỳ tính thuế năm đầu tiên, kỳ tính thuế năm cuối cùng không được vượt quá 15 tháng; kỳ tính thuế năm chuyển đổi không được vượt quá 12 tháng.
- d. Kỳ tính thuế năm đầu tiên, kỳ tính thuế năm cuối cùng không được vượt quá 12 tháng; kỳ tính thuế năm chuyển đổi không được vượt quá 15 tháng.

Câu 4. Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là:

- a. Thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua.
- b. Thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ.
- c. Thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ. Nếu thời điểm lập hoá đơn xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu tính theo thời điểm lập hoá đơn.
- d. Thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ. Nếu thời điểm lập hoá đơn xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu tính theo thời điểm dịch vụ hoàn thành.

Câu 5. Trong hoạt động cung ứng dịch vụ, nếu thời điểm lập hoá đơn xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN là:

- a. Thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ
- b. Thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua.
- c. Thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ.

Câu 6: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi; biếu, tặng, cho; tiêu dùng nội bộ được xác định:

a. Theo giá bán của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cùng loại tương đương trên thị trường tại thời điểm trao đổi; biếu, tặng, cho; tiêu dùng nội bộ.

b. Theo chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó.

c. Theo giá bán của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cùng loại tương đương trên thị trường tại thời điểm trao đổi; biếu, tặng, cho đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi; biếu, tặng, cho. Theo chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đối với sản phẩm hàng hoá tiêu dùng nội bộ.

Câu 7. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với hàng hoá, dịch vụ bán theo phương thức trả góp, trả chậm là:

a. Tiền bán hàng hoá, dịch vụ trả tiền một lần, không bao gồm tiền lãi trả góp, trả chậm.

b. Tổng số tiền khách hàng phải trả, bao gồm cả tiền lãi trả góp, trả chậm.

c. Tổng số tiền phải thu tính theo phương thức trả chậm, trả góp (bao gồm cả tiền lãi trả chậm, trả góp).

Câu 8. Khoản chi nào dưới đây không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

a. Khoản chi khấu hao đối với TSCĐ là nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca do doanh nghiệp đầu tư xây dựng để phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp.

b. Khoản chi khấu hao trong thời gian TSCĐ tạm thời dừng tham gia sản xuất kinh doanh từ 9 tháng trở lên đối với trường hợp do sản xuất theo mùa vụ.

c. Phần trích khấu hao tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng /xe đối với ô tô chuyên kinh doanh vận tải hành khách chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống mới đăng ký sử dụng và hạch toán trích khấu hao TSCĐ từ ngày 1/1/2009.

Câu 9. Phần trích khấu hao TSCĐ nào dưới đây không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

a. Khấu hao đối với TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang được sử dụng.

b. Khấu hao đối với TSCĐ có giấy tờ chứng minh được thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê mua tài chính).

c. Khấu hao đối với TSCĐ được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp theo chế độ quản lý TSCĐ và hạch toán kế toán hiện hành.

Câu 10. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi trả cho người lao động nào dưới đây:

- a. Tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân.
- b. Tiền thưởng cho người lao động không ghi cụ thể điều kiện được hưởng trong hợp đồng lao động hoặc thoả ước lao động tập thể hoặc Quy chế tài chính, Quy chế thưởng.
- c. Tiền lương trả cho các thành viên của hội đồng quản trị trực tiếp tham gia điều hành sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.
- d. Không khoản chi nào nêu trên.

Câu 11. Thời điểm xác định doanh thu tính thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản là thời điểm:

- a. Bên bán bàn giao bất động sản cho bên mua.
- b. Bên mua đã đăng ký quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất, xác lập quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- c. Thời điểm thu tiền ứng trước của khách hàng.

Câu 12. Đơn vị sự nghiệp có phát sinh hoạt động kinh doanh hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng không hạch toán và xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh hàng hoá thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hoá là:

- a. 1%
- b. 2%
- c. 5%

Câu 13 Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với:

- a. Phần chi trang phục bằng hiện vật và bằng tiền có hoá đơn, chứng từ theo mức chi cho trang phục tối đa không vượt quá 5.000.000 đồng/người/ năm.
- b. Phần chi trang phục bằng hiện vật và bằng tiền có hoá đơn, chứng từ theo mức chi trang phục bằng hiện vật không vượt quá 5.000.000 đồng/người/ năm và chi bằng tiền không vượt quá 5.000.000 đồng/người/ năm.
- c. Phần chi trang phục bằng hiện vật và bằng tiền không có hoá đơn, chứng từ theo mức chi trang phục bằng hiện vật 5.000.000 đồng/người/ năm và chi bằng tiền 5.000.000 đồng/người/ năm.

Câu 14. Theo quy định hiện hành, phần chi trang phục bằng hiện vật và bằng tiền cho người lao động của doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

- a. Không vượt quá 1.000.000 đồng/người/ năm
- b. Không vượt quá 1.500.000 đồng/người/ năm
- c. Không vượt quá 5.000.000 đồng/người/ năm

Câu 15. Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi nào dưới đây:

- a. Khoản trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo mức quy định.
- b. Khoản chi tài trợ cho giáo dục theo quy định.
- c. Các khoản chi về đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định.
- d. Không có khoản chi nào nêu trên.

Câu 16. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi phí nào dưới đây:

- a. Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính.
- b. Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính.
- c. Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính.
- d. Không có khoản chi phí nào nêu trên.

Câu 17. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi nào dưới đây:

- a. Các khoản đã được chi từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.
- b. Các khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế.
- c. Các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.
- d. Khoản thuế Thu nhập cá nhân của người lao động doanh nghiệp nộp thay trong trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động quy định tiền lương, tiền công trả cho người lao động không bao gồm thuế TNCN.

Câu 18. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi nào dưới đây:

- a. Số thuế Giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn.
- b. Số tiền thuế Thuế Thu nhập cá nhân do doanh nghiệp khấu trừ trên thu nhập của người nộp thuế để nộp vào Ngân sách nhà nước.
- c. Thuế TNDN nộp thay nhà thầu nước ngoài trong trường hợp thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế TNDN
- d. Không khoản chi nào nêu trên.

Câu 19. Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp mà bị lỗ thì được chuyển lỗ theo quy định sau:

- a. Chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp sau; thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.
- b. Doanh nghiệp tự quyết định việc chuyển lỗ vào các năm tiếp sau; thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.
- c. Doanh nghiệp tự quyết định việc chuyển lỗ vào các năm tiếp sau; không giới hạn thời gian chuyển lỗ.

Câu 20. Mức trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp:

- a. Tối đa không quá 5% thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.
- b. Tối đa không quá 5% thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế.
- c. Tối đa không quá 10% thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.
- d. Tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế.

Câu 21. Theo pháp luật thuế TNDN hiện hành, lãi suất tính lãi và thời gian tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp sử dụng không hết 70% trong thời hạn 5 năm kể từ năm kế tiếp năm trích lập quỹ là:

- a. Lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm áp dụng tại thời điểm thu hồi và thời gian tính lãi là một năm.
- b. Lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm áp dụng tại thời điểm thu hồi và thời gian tính lãi là hai năm.
- c. Mức lãi tính theo tỷ lệ phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế và thời gian tính lãi là khoảng thời gian kể từ khi trích lập Quỹ đến khi thu hồi.

Câu 22. Theo quy định hiện hành, lãi suất tính lãi và thời gian tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp sử dụng sai mục đích là:

- a. Lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm áp dụng tại thời điểm thu hồi và thời gian tính lãi là một năm.
- b. Lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm áp dụng tại thời điểm thu hồi và thời gian tính lãi là hai năm.
- c. Mức lãi tính theo tỷ lệ phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế và thời gian tính lãi là khoảng thời gian kể từ khi trích lập Quỹ đến khi thu hồi.

Câu 23. Thuế suất thuế TNDN phổ thông theo quy định hiện hành là:

- a. 20%
- b. 25%.
- c. 28 %
- d. Từ 32% đến 50%.

Câu 24. Theo quy định hiện hành, thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí tại Việt Nam là:

- a. 20%
- b. 25%.
- c. 28 %.
- d. Từ 32% đến 50%.

Câu 25. Loại thu nhập nào sau đây không thuộc diện chịu thuế TNDN:

- a. Thu nhập từ chuyển nhượng một phần vốn của doanh nghiệp đã đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác.
- b. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định.
- c. Khoản thặng dư vốn cổ phần của công ty cổ phần có được khi công ty cổ phần thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn và có chênh lệch lớn hơn giữa giá phát hành và mệnh giá.

Câu 26. Thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn:

- a. 20%.

- b. 25%.
- c. 28%
- d. Từ 32% đến 50%.

Câu 27. Thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản:

- a. 20%.
- b. 25%.
- c. 28%
- d. Từ 32% đến 50%.

Câu 28. Theo pháp luật thuế TNDN hiện hành, việc hạch toán các khoản thu, chi về tiền phạt, tiền bồi thường vi phạm hợp đồng kinh tế (các khoản phạt không thuộc các khoản tiền phạt vi phạm hành chính theo quy định) được thực hiện theo phương án nào dưới đây:

a. Được bù trừ các khoản thu do bên đối tác vi phạm hợp đồng với các khoản chi do vi phạm hợp đồng, nếu thu lớn hơn chi thì phần chênh lệch được tính vào thu nhập khác, nếu chi lớn hơn thu thì phần chênh lệch được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

b. Được bù trừ các khoản thu do bên đối tác vi phạm hợp đồng với các khoản chi do vi phạm hợp đồng, nếu thu lớn hơn chi thì phần chênh lệch được tính vào thu nhập khác, nếu chi lớn hơn thu thì phần chênh lệch được tính giảm trừ vào thu nhập khác hoặc giảm trừ thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh nếu trong kỳ không phát sinh thu nhập khác.

c. Các khoản thu do bên đối tác vi phạm hợp đồng tính vào thu nhập khác; Các khoản chi do vi phạm hợp đồng không được phản ánh khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

Câu 29. Theo pháp luật thuế TNDN, việc hạch toán các khoản thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn và các khoản chi trả lãi tiền vay theo quy định được thực hiện theo phương án nào dưới đây:

a. Được bù trừ các khoản thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn với các khoản chi trả lãi tiền vay, nếu thu lớn hơn chi thì phần chênh lệch được tính vào thu nhập khác, nếu chi lớn hơn thu thì phần chênh lệch được tính vào chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

b. Được bù trừ các khoản thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn với các khoản chi trả lãi tiền vay, nếu thu lớn hơn chi thì phần chênh lệch được tính vào thu nhập khác, nếu chi lớn hơn thu thì phần chênh lệch tính giảm trừ vào thu nhập khác.

c. Khoản thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn hạch toán vào doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế; Khoản chi trả lãi tiền vay hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Câu 30. Khoản thu nhập nào dưới đây được miễn thuế TNDN:

a. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.

b. Thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước phục vụ trực tiếp cho nông nghiệp.

c. Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh liên kết với doanh nghiệp trong nước sau khi bên nhận góp vốn, liên doanh, liên kết đã nộp thuế TNDN theo quy định.

d. Cả 3 loại thu nhập nêu trên.

Câu 31. Trong các khoản thu nhập của doanh nghiệp dưới đây, khoản thu nhập nào không được miễn thuế TNDN:

a. Thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy hải sản của doanh nghiệp.

b. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề cho các đối tượng tệ nạn xã hội.

c. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có từ 55% số lao động bình quân trong năm trở lên là người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV/AIDS.

Câu 32. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi nào dưới đây:

a. Các khoản chi về đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định.

b. Khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động quy định trong hợp đồng lao động.

c. Khoản trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp thuộc diện bắt buộc tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

d. Không có khoản chi nào nêu trên.

Câu 33. Theo pháp luật thuế TNDN hiện hành, trong các khoản chi báo biểu, báo tặng của cơ quan báo chí liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh dưới đây, khoản chi nào thuộc diện không bị khống chế không vượt quá 10% tổng chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

a. Báo biểu, báo tặng cho cán bộ, chiến sỹ ở hải đảo.

- b. Báo biểu, báo tặng các cơ quan quản lý nhà nước.
- c. Báo biểu, báo tặng các tổ chức đoàn thể ở địa phương.
- d. Không khoản chi nào nêu trên.

Câu 34. Theo pháp luật thuế TNDN hiện hành, khoản chi nào dưới đây thuộc diện bị khống chế không vượt quá 10% tổng chi phí được trừ (hoặc không vượt quá 15% trong ba năm đầu đối doanh nghiệp mới thành lập từ ngày 01/01/2009) khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN:

- a. Khoản chi báo biểu, báo tặng của cơ quan báo chí cho người có công với cách mạng.
- b. Khoản chi hoa hồng trả cho nhà phân phối của các công ty bán hàng đa cấp.
- c. Khoản chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị của doanh nghiệp.
- d. Cả ba khoản chi nêu trên.

2/ Câu trắc nghiệm bài tập: (10 câu)

Câu 1. Giả sử trong kỳ tính thuế năm 2012, Doanh nghiệp A có số liệu sau:

- Tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp là 15 tỷ đồng; Tổng chi phí tương ứng được trừ của doanh nghiệp là 16 tỷ đồng.

- Ngoài ra, doanh nghiệp còn phát sinh các khoản thu nhập sau:

+ Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng là 350 triệu đồng.

+ Thu nhập từ tiêu thụ phế liệu, phế phẩm là 150 triệu đồng.

+ Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản là 600 triệu đồng.

- Doanh nghiệp A không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Số thuế TNDN doanh nghiệp A phải nộp trong năm 2012 là:

a. 0 đồng (Không phải nộp thuế TNDN).

b. 25 triệu đồng.

c. 150 triệu đồng.

d. Số khác.

Câu 2. Doanh nghiệp sản xuất A là doanh nghiệp mới thành lập và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ 01/01/2009. Báo cáo quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp A có số liệu về chi phí được ghi nhận như sau:

- Phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp: 1,6 tỷ đồng.

- Tổng các khoản chi phí được trừ không bao gồm phần chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh: 10 tỷ đồng.

Tổng chi phí được trừ bao gồm cả chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết khi xác định thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp A trong năm 2011 là:

a. 11 tỷ đồng.

b. 11,16 tỷ đồng.

c. 11,5 tỷ đồng.

d. 11,6 tỷ đồng.

Câu 3. Giả sử trong năm 2012, doanh nghiệp Việt Nam X có một khoản thu nhập 600 triệu đồng từ dự án đầu tư tại nước ngoài. Khoản thu nhập này là

thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập theo Luật của nước ngoài. Số thuế Thu nhập phải nộp tính theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp của nước ngoài là 120 triệu đồng.

Số thuế TNDN doanh nghiệp X còn phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài là:

- a. 0 đồng (Không phải nộp thêm)
- b. 60 triệu đồng
- c. 150 triệu đồng
- d. 180 triệu đồng

Câu 4. Giả sử trong năm 2012, doanh nghiệp Việt Nam B (không được hưởng ưu đãi thuế TNDN) có số liệu kết quả kinh doanh như sau:

- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất sinh doanh trong nước: 800 triệu đồng.

- Thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài là 650 triệu đồng. Khoản thu nhập này là khoản thu nhập sau khi đã nộp thuế TNDN ở nước ngoài 350 triệu đồng.

Số thuế TNDN doanh nghiệp B phải nộp năm 2012 là:

- a. 0 đồng (Không phải nộp thuế)
- b. 12,5 triệu đồng.
- c. 100 triệu đồng.
- d. 200 triệu đồng

Câu 5. Giả sử trong năm 2012, doanh nghiệp A có số liệu về kết quả kinh doanh như sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm là 150 triệu đồng.

- Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng là 200 triệu đồng

- Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán là 100 triệu đồng.

(Doanh nghiệp A đang được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với Thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm).

Số thuế TNDN doanh nghiệp A phải nộp năm 2012 là:

- a. 0 đồng (Không phải nộp thuế TNDN).
- b. 75 triệu đồng.
- c. 84 triệu đồng
- d. 112,5 triệu đồng.

Câu 6. Giả sử trong năm 2012, doanh nghiệp A có số liệu kết quả kinh doanh như sau:

- Lỗ từ hoạt động sản xuất phần mềm là 150 triệu đồng.
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh máy tính không được hưởng ưu đãi là 200 triệu đồng
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán là 100 triệu đồng.

(Doanh nghiệp A đang được hưởng ưu đãi miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm).

Số thuế TNDN doanh nghiệp A phải nộp năm 2012 là:

- a. 0 đồng (Không phải nộp thuế TNDN).
- b. 37,5 triệu đồng.
- c. 75 triệu đồng.
- d. 84 triệu đồng

Câu 7. Giả sử trong năm 2012, doanh nghiệp B có số liệu về kết quả kinh doanh như sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính: 700 triệu đồng.
- Thu nhập từ lãi tiền gửi: 100 triệu đồng
- Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ: 40 triệu đồng.

(Doanh nghiệp B đang được hưởng ưu đãi thuế suất 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính).

Số thuế TNDN doanh nghiệp B phải nộp trong năm 2012 là:

- a. 84 triệu đồng.
- b. 105 triệu đồng.
- c. 210 triệu đồng.
- d. Số khác.

Câu 8. Giả sử trong năm 2012, Doanh nghiệp sản xuất Y có số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh như sau:

- Tổng doanh thu bán sản phẩm (chưa bao gồm thuế GTGT): 15 tỷ đồng.
Trong đó:

- + Doanh thu bán sản phẩm A: 5 tỷ đồng.
- + Doanh thu bán sản phẩm B: 10 tỷ đồng.
- Tổng chi phí được trừ trong kỳ tính thuế: 12 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp Y đang trong thời kỳ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm A.

Số thuế TNDN doanh nghiệp Y phải nộp trong năm 2012 là:

- a. 375 triệu đồng.
- b. 625 triệu đồng.
- c. 750 triệu đồng.
- d. Số khác.

Câu 9. Giả sử trong năm 2012, doanh nghiệp sản xuất XZ có số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh như sau:

- Thu nhập từ hoạt động SXKD sản phẩm A: 200 triệu đồng.
- Thu nhập từ hoạt động SXKD sản phẩm B: 100 triệu đồng.
- Thu nhập từ bán phế liệu, phế phẩm: 30 triệu đồng. Trong đó:
 - + Thu nhập từ bán phế liệu phế phẩm tạo ra trong quá trình sản xuất sản phẩm A: 20 triệu đồng.
 - + Thu nhập từ bán phế liệu phế phẩm tạo ra trong quá trình sản xuất sản phẩm B: 10 triệu đồng.
- Doanh nghiệp XZ đang trong thời kỳ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm B.

Số thuế TNDN doanh nghiệp Y phải nộp trong năm 2012 là:

- a. 41,25 triệu đồng.
- b. 68,75 triệu đồng.
- c. 70 triệu đồng.
- d. Số khác.

Câu 10. Giả sử trong năm 2012, doanh nghiệp Y có số liệu về kết quả kinh doanh như sau:

- Tổng doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá (chưa bao gồm thuế GTGT): 1,25 tỷ đồng.
- Tổng chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh: 900 triệu đồng. Trong đó:
 - + Khoản thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ là 30 triệu đồng.
 - + Chi trang phục bằng hiện vật có đầy đủ hoá đơn, chứng từ cho người lao động: 100 triệu đồng. Chi trang phục bằng tiền cho người lao động có phiếu chi và chứng từ thanh toán đầy đủ: 20 triệu đồng. Tổng số người lao động được chi: 20 người.

+ Các chi phí còn lại đầy đủ hoá đơn chứng từ và thoả mãn điều kiện được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Số thuế TNDN doanh nghiệp Y phải nộp trong năm 2012 là:

- a. 87,5 triệu đồng.
- b. 100 triệu đồng.
- c. 125 triệu đồng.
- d. Số khác.